TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 25/06/2024
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Bá Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Yến và bà Phạm Thị Thơm.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Thu Uyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Jút.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên toà:* Ông Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 196/2024/TLST-HN&GĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/06/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thi V, sinh năm 1979 – có mặt;
Trú tại: Thôn 2, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.
Bị đơn: Ông Thái Đức H, sinh năm 1972 – vắng mặt;
Trú tại: Thôn 2, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Bà V và ông H chung sống với nhau từ cuối năm 2000. Đến năm 2004 ông H, bà V mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông. Việc kết hôn hai bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc. Quá trình chung sống bà V và ông H có với nhau 03 con chung Thái Xuân Q, sinh năm 2002, Thái Xuân T, sinh năm 2003

và Thái Xuân D, sinh ngày 15/06/2007. Về mâu thuẫn vợ chồng: Trong cuộc sống vợ chồng không có hòa hợp, hay cãi nhau, dẫn đến xúc phạm nhau. Gia đình hai bên nội ngoại đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Bà V đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Cư Jút để xin ly hôn với ông H 02 lần. Lần gần đây nhất là vào năm 2023 bà V khởi kiện ly hôn. Tuy nhiên, sau đó bà đã rút đơn khởi kiện để cho ông H có cơ hội sửa sai. Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/06/2023. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã sống ly thân với nhau. Nay bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Con chung Thái Xuân Q, sinh năm 2002 và Thái Xuân T, sinh năm 2003 đã trưởng thành. Còn con chung Thái Xuân D, sinh ngày 15/06/2007 bà V có nguyện vọng được nuôi con đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung bà V không yêu cầu.

Về tài sản chung: Ngày 12/03/2024, bà V có yêu cầu khởi kiện bổ sung chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân như sau: Đề nghị Tòa án chia đôi khối tài chung của vợ chồng là thửa đất số 807, tờ bản đồ số 11 diện tích 820m^2 và 01 nhà xây cấp 4, tài sản gắn liền trên thửa đất và 20 con dê nuôi.

Ngày 16/05/2024, nguyên đơn có đơn xin rút đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/05/2024 bị đơn trình bày: Ông H và bà V có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C vào năm 2004. Quá trình chung sống ông H và bà V có với nhau 03 con chung Thái Xuân Q, sinh năm 2002, Thái Xuân T, sinh năm 2003 và Thái Xuân D, sinh ngày 15/06/2007. Về mâu thuẫn vợ chồng: Do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau nên vợ chồng hay cãi nhau, xúc phạm nhau, khi ông H nói mấy câu nặng lời thì bà V bỏ nhà đi. Hiện nay vợ chồng ông bà đã sống ly thân với nhau. Trước khi làm nhà thì vợ chồng ông H đã một lần làm đơn ra Tòa xin ly hôn sau đó bà V đã rút đơn khởi kiện.

Quá trình chung sống vợ chồng ông H tạo lập được khối tài sản chung của vợ chồng như sau:

+ 01 lô đất diện tích 820 m^2 trong đó đất ở 100m^2, đất trồng cây lâu năm 720m^2 thửa đất 807 tờ bản đồ số 11, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 848172 Do UBND huyện Cư Jút cấp ngày 29/01/2021 cho ông Thái Đức H và bà Nguyễn Thị V trên đất có 01 nhà xây cấp 4, xây vào năm 2020 và tài sản kiến trúc trên đất, tọa lạc tại thôn 2, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Về quan hệ hôn nhân thì ông H muốn đoàn tụ để nuôi dạy con cái nên người. Nếu bà V nhất quyết xin ly hôn thì theo nguyện vọng của bà V, ông Hệp đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Thì theo nguyện vọng của con, con muốn sống với ai thì giao cho người đó.

Về tài sản chung: Ông H muốn hai vợ chồng tự giải quyết với nhau. Nếu không được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà V được ly hôn với ông H.

Về con chung: Giao con Thái Xuân D, sinh ngày 15/06/2007 cho bà V trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con bà V không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Áp dụng khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung mà nguyên đơn đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giải quyết việc ly hôn với ông Thái Đức H, bị đơn có cư trú tại huyện Cư Jút nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt. Bị đơn chấp hành không tốt, mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do. Phiên tòa lần thứ 2 (ngày 25/6/2024) bị đơn tiếp tục vắng mặt. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông H chung sống với nhau từ năm 2000. Đến năm 2004 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định của pháp luật hôn nhân & gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn: Năm 2004 bà V, ông H kết hôn, tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, ông bà đã sống ly thân không còn sống chung với nhau. Bà V cũng đã khởi kiện ra tòa để xin ly hôn, tranh chấp về con chung và chia tài sản khi ly hôn với ông H đã được Tòa án thụ lý vụ án số 75/2023/TLST-HNGĐ ngày 27/04/2023. Sau đó bà V đã rút đơn khởi kiện nên Tòa án đã đình chỉ vụ án trên. Bà V và ông H cũng đồng ý được ly hôn với nhau.

Trong quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Tuy nhiên, bà V không còn tình cảm đối với ông H, vợ chồng đã sống ly thân, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu ly hôn của bà V là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà V, ông H có 03 con chung Thái Xuân Q, sinh năm 2002, Thái Xuân T, sinh năm 2003 và Thái Xuân D, sinh ngày 15/06/2007. Con chung Thái Xuân Dương chưa đủ 18 tuổi có nguyện vọng được sống với chị V. Đây cũng là nguyện vọng của chị V được nuôi con chung Thái Xuân D đến tuổi trưởng thành. Vì vậy, HĐXX cần giao con Thái Xuân D, sinh ngày 15/06/2007 cho bà V trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân & gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết bà V yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 807, tờ bản đồ số 11 diện tích 820 m^2 và 01 nhà xây cấp 4, tài sản gắn liền trên thửa đất; 20 con dê nuôi. Ngày 16/05/2024, bà V đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 BLTTDS đình chỉ đối với yêu cầu này.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu quan điểm về đường lối xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá tài sản là 7.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị V nhận nộp số tiền 10.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản, được khấu trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị V đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp theo biên lai số 0000330 ngày 19/03/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143, Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 164; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Thái Đức H.

2. Về con chung: Giao con Thái Xuân D, sinh ngày 15/06/2007 cho bà Nguyễn Thị V được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5. Áp dụng khoản 2 Điều 244 của BLTTDS đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung mà nguyên đơn bà Nguyễn Thị V đã rút.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng và chi phí thẩm định giá tài sản là 7.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị V nhận nộp số tiền 10.000.000 đồng chi phí xem

xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản, được khấu trừ vào số tiền bà Nguyễn Thị V đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

7. Về án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*.

Buộc bà Nguyễn Thị V phải chịu toàn bộ, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000191 ngày 23 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút.

Hoàn trả nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp theo biên lai số 0000330 ngày 19/03/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THA huyện Cư Jút;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bá Luân